

TRẦN NAM DŨNG (Tổng Chủ biên) - KHÚC THÀNH CHÍNH (Chủ biên)
ĐINH THỊ XUÂN DUNG - NGUYỄN KÍNH ĐỨC
ĐINH THỊ KIM LAN - HUỲNH THỊ KIM TRANG

Toán

Sách giáo viên



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Mục lục

Phần một– GIỚI THIỆU CHUNG VỀ MÔN TOÁN LỚP 1	5
Phần hai– HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC BÀI TRONG TOÁN 1	27
Lớp 1 của em	27

1. Làm quen với một số hình

• Vị trí	29
• Khối hộp chữ nhật – Khối lập phương	32
• Hình tròn – Hình tam giác – Hình vuông – Hình chữ nhật	33
• Xếp hình	35
• Thực hành và trải nghiệm: Vui Trung thu	37

2. Các số đến 10

• Các số 1, 2, 3	39
• Các số 4, 5	41
• Tách – Gộp số	45
• Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn	47
• So sánh các số: bằng, lớn hơn, bé hơn	49
• Các dấu =, >, <	51
• Số 6	55
• Số 7	59
• Số 8	61
• Số 9	63
• Số 0	66
• Số 10	68
• Em làm được những gì?	72
• Thực hành và trải nghiệm: Sông nước miền Tây	76
• Kiểm tra	79

3. Phép cộng, phép trừ trong phạm vi 10

• Phép cộng	82
• Phép cộng trong phạm vi 10	86
• Cộng bằng cách đếm thêm	89
• Phép trừ	93
• Phép trừ trong phạm vi 10	97
• Trừ bằng cách đếm bớt	100
• Em làm được những gì?	104
• Ôn tập Học kì 1	106
• Thực hành và trải nghiệm: Em đi bộ theo luật giao thông	109
• Kiểm tra Học kì 1	111

4. Các số đến 20

• Các số đến 20	114
• Các phép tính dạng $10 + 4$, $14 - 4$	118
• Các phép tính dạng $12 + 3$, $15 - 3$	120
• Chiếc đồng hồ của em	122
• Em làm được những gì?	124
• Kiểm tra	126

5. Các số đến 100

• Chục – Số tròn chục	129
• Các phép tính dạng $30 + 20$, $50 - 20$	131
• Chục – Đơn vị	133
• Các số đến 40.....	135
• So sánh các số	137
• Các số đến 100.....	139
• Bảng các số từ 1 đến 100.....	143
• Các phép tính dạng $34 + 23$, $57 - 23$	145
• Em làm được những gì?	150
• Kiểm tra	153
• Các ngày trong tuần.....	155
• Tờ lịch của em	157
• Thực hành và trải nghiệm: Em và các bạn.....	159
• Độ dài	162
• Đo độ dài.....	166
• Xăng-ti-mét. Đơn vị đo độ dài	169
• Em làm được những gì?	174
• Ôn tập cuối năm	178
• Thực hành và trải nghiệm: Ong và hoa	186
• Kiểm tra cuối năm.....	189

Phần một

GIỚI THIỆU CHUNG VỀ MÔN TOÁN Ở LỚP 1

I. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH MÔN TOÁN LỚP 1

Môn Toán lớp 1 nhằm giúp học sinh (HS) đạt các mục tiêu chủ yếu sau:

1. Góp phần hình thành và phát triển năng lực toán học, các phẩm chất chủ yếu

– Thực hiện được các thao tác tư duy ở mức độ đơn giản, bước đầu làm quen với việc nêu và trả lời câu hỏi khi lập luận, giải quyết các vấn đề đơn giản; lựa chọn được các phép cộng, phép trừ để trình bày, diễn đạt (nói hoặc viết) được các nội dung, ý tưởng, cách thức giải quyết vấn đề; làm quen với việc sử dụng ngôn ngữ toán học kết hợp với ngôn ngữ thông thường, động tác hình thể để biểu đạt các nội dung toán học ở những tình huống đơn giản; sử dụng được các công cụ, phương tiện học toán đơn giản để thực hiện các nhiệm vụ học tập toán đơn giản.

– Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

2. Có những kiến thức và kĩ năng toán học cơ bản ban đầu, thiết yếu về:

– Số và phép tính: các số tự nhiên trong phạm vi 100; các phép cộng, phép trừ không nhớ trong phạm vi 100.

– Hình học và Đo lường: nhận biết hình dạng một số hình phẳng và hình khối đơn giản (hình tròn, hình tam giác, hình vuông, hình chữ nhật; khối hộp chữ nhật, khối lập phương); nhận biết ban đầu về biểu tượng đại lượng và đơn vị độ dài (xăng-ti-mét), tuần lễ và ngày trong tuần, giờ đứng trên mặt đồng hồ.

3. Cùng với các môn học và hoạt động giáo dục khác như Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt, Hoạt động trải nghiệm,... vận dụng toán học vào thực tiễn, tạo dựng những nhận biết ban đầu giúp HS hiểu biết về một số nghề nghiệp sau này.

II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực đặc thù

Cùng với các môn học khác, môn Toán hình thành và phát triển những **phẩm chất** chủ yếu: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

Các yêu cầu về Năng lực đặc thù:

Năng lực tư duy và lập luận toán học

– Thực hiện được các thao tác tư duy ở mức độ đơn giản. Làm quen với việc quan sát, tìm kiếm sự tương đồng và khác biệt trong những tình huống quen thuộc; làm quen với việc nói kết quả của việc quan sát (nói theo trường hợp cụ thể, chưa yêu cầu khái quát).

– Bước đầu nêu được lí do để giải thích việc làm của mình.

Năng lực mô hình hoá toán học

– Lựa chọn được hình vẽ, sơ đồ, phép tính,... để trình bày, diễn đạt (nói hoặc viết) các nội dung, ý tưởng.

- Giải quyết được nhiệm vụ từ sự lựa chọn trên.

Năng lực giải quyết vấn đề toán học

HS bước đầu **làm quen** với các việc để giải quyết vấn đề:

- Nhận biết được vấn đề cần giải quyết và nêu được thành câu hỏi.
- Nói (đơn giản) cách thức giải quyết vấn đề.
- Thực hiện và trình bày được cách thức giải quyết vấn đề ở mức độ đơn giản.
- Kiểm tra được các việc đã làm (giải pháp đã thực hiện).

Năng lực giao tiếp toán học

– Nghe hiểu, đọc hiểu (học kì 2) và ghi chép thông tin trọng tâm (số, phép tính,...) do người khác thông báo (ở mức độ đơn giản).

– Trình bày, diễn đạt (nói hoặc viết) các nội dung, ý tưởng, giải pháp (một cách đơn giản) để người khác hiểu.

– Sử dụng được ngôn ngữ toán học kết hợp với ngôn ngữ thông thường, động tác hình thể để biểu đạt các nội dung toán học ở những tình huống đơn giản.

– Thể hiện được sự tự tin khi trả lời, trình bày, thảo luận các nội dung toán học ở những tình huống đơn giản.

Năng lực sử dụng công cụ, phương tiện toán học

– Nhận biết được tên gọi, tác dụng, cách sử dụng, cách bảo quản các công cụ, phương tiện học toán đơn giản.

– Sử dụng được các công cụ, phương tiện học toán để thực hiện nhiệm vụ học tập toán đơn giản.

– Bước đầu nhận biết một số ưu điểm, hạn chế của các công cụ, phương tiện hỗ trợ để có cách sử dụng hợp lí.

2. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt ở lớp 1

a) Số và phép tính

Số tự nhiên

– Đếm đến 100

- Đếm đúng số lượng các phần tử của tập hợp.
- Đếm thêm, đếm bớt 1. Chẳng hạn:

1, 2, 3, ...

10, 9, 8, ...

Đếm thêm 2, 5, 10. Chẳng hạn:

2, 4, 6, ...

1, 3, 5, ...

5, 10, 15, ...

10, 20, 30, ...

– Lập số

- Nhận biết kết quả cuối cùng của phép đếm là số chỉ số lượng các phần tử của tập hợp.

- Các số trong phạm vi 10.
Tạo lập được tập hợp tương đương với số theo yêu cầu (dùng khối lập phương, que tính, hình vẽ,...).
 - Các số trong phạm vi 20, trong phạm vi 100.
Nhận biết được chục và đơn vị, số tròn chục.
Tạo lập được tập hợp tương đương với số theo yêu cầu (dùng khối lập phương, que tính, hình vẽ,...), gộp số chục và số đơn vị để lập số có hai chữ số.
- Đọc, viết số
- Nhận biết được 10 kí hiệu (chữ số) để viết số.
 - Đọc và viết các số trong phạm vi 100.
 - Nhận biết được giá trị theo vị trí của các chữ số trong một số.
- Phân tích, tổng hợp số
- Các số trong phạm vi 10.
Thực hiện được các thao tác tách – gộp số và thể hiện bằng sơ đồ tách – gộp số.
 - Các số trong phạm vi 100.
Nhận biết cấu tạo thập phân của số.
Tách – gộp số theo cấu tạo thập phân của số.
- Thứ tự các số
- Nhận biết và mô tả được các quan hệ “bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn” giữa số lượng các phần tử của hai tập hợp qua thao tác thiết lập tương ứng 1 – 1. Sử dụng đúng các thuật ngữ “bằng, nhiều hơn, ít hơn”.
 - Nhận biết và mô tả được các quan hệ “bằng nhau, lớn hơn, bé hơn” giữa các số dựa vào quan hệ “bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn”. Sử dụng đúng các thuật ngữ “bằng, lớn hơn, bé hơn” và các kí hiệu “=, >, <”.
 - Nhận biết dãy số (tự nhiên) được xếp thứ tự từ bé tới lớn.
 - So sánh được các số trong phạm vi 10 bằng cách vận dụng:
Quan hệ “bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn”.
Thứ tự các số trong dãy số.
 - So sánh được các số có hai chữ số bằng cách:
So sánh số chục, số đơn vị.
Dựa vào thứ tự các số trong dãy số.
 - Xác định được số lớn nhất, bé nhất, xếp thứ tự các số trong phạm vi 100 (ở các nhóm không quá bốn số).
 - Làm quen khái niệm hai số (tự nhiên) liên tiếp qua ngôn ngữ cuộc sống “sát cạnh nhau, ngay sau,...” (chưa chính thức giới thiệu thuật ngữ “liên tiếp, liền sau, liền trước”).
Tạo lập được dãy năm số liên tiếp bằng cách thêm 1 vào số ngay trước nó.

– Số thứ tự: Sử dụng đúng các từ: thứ nhất (đầu tiên), thứ hai (thứ nhì), thứ ba,..., thứ mười để nói thứ tự các đối tượng trong các tình huống cụ thể.

Phép tính

– Phép cộng, phép trừ trong phạm vi 10

- Nhận biết được ý nghĩa của phép cộng: gộp lại (theo quan điểm lấy hợp hai tập hợp không giao nhau).
- Nhận biết và sử dụng được hai thuật ngữ chính thể hiện ý nghĩa phép cộng: và, thêm.
- Nhận biết được ý nghĩa của phép trừ: tách ra (theo quan điểm tìm phần bù của tập con của một tập hợp).

Nhận biết và sử dụng được hai thuật ngữ thể hiện ý nghĩa phép trừ: bớt đi, còn lại.

- Sử dụng các bảng tách – gộp số, thành lập các bảng cộng, trừ trong phạm vi 10.
- Thực hiện được các phép cộng, phép trừ; cộng, trừ bằng cách:

Sử dụng sơ đồ tách – gộp số.

Sử dụng các bảng cộng trừ trong phạm vi 10.

Đếm thêm, đếm bớt.

– Phép cộng, phép trừ trong phạm vi 20

- Thực hiện được các phép cộng, phép trừ dạng $10 + 4$, $14 - 4$ bằng cách dựa vào cấu tạo thập phân của số.
- Thực hiện được các phép cộng, phép trừ dạng $12 + 3$, $15 - 3$ bằng cách dựa vào: Các bảng cộng, bảng trừ trong phạm vi 10.

Đếm thêm, đếm bớt.

– Phép cộng, phép trừ trong phạm vi 100

- Thực hiện được các phép cộng, phép trừ nhằm các số tròn chục (tổng trong phạm vi 100) bằng cách coi chục là đơn vị đếm.
- Thực hiện được các phép cộng, phép trừ dạng $20 + 8$, $28 - 8$ bằng cách dựa vào cấu tạo thập phân của số.
- Thực hiện được các phép cộng, phép trừ các số có hai chữ số (không nhớ) qua các thao tác đặt tính, tính trên cơ sở dựa vào:

Các bảng cộng, bảng trừ trong phạm vi 10.

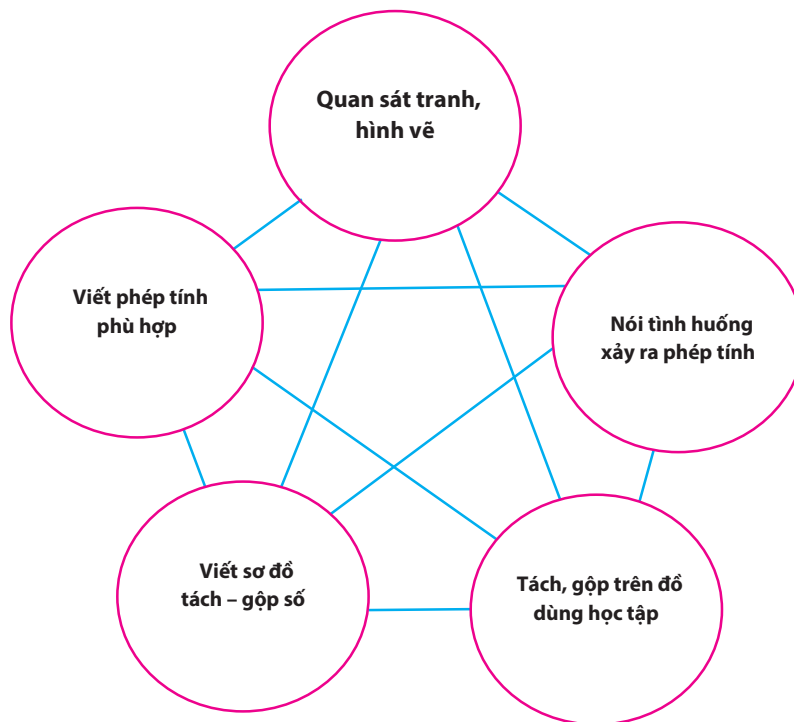
Đếm thêm, đếm bớt.

– Làm quen với việc thực hiện tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính cộng, trừ (theo thứ tự từ trái sang phải).

– Nhận biết được tính chất giao hoán của phép cộng; quan hệ giữa phép cộng và phép trừ; vai trò của số 0 trong phép cộng, phép trừ qua các trường hợp cụ thể. Vận dụng để tính toán hợp lí.

– Nhận biết và thực hiện được các thao tác có liên quan theo sơ đồ sau:

(Hệ thống sơ đồ này giúp HS phát triển đầy đủ 5 năng lực đặc thù cũng như các kiến thức, kĩ năng cốt lõi cần chuyển tải)



– Bước đầu làm quen bài toán có lời văn (chưa giới thiệu thuật ngữ bài toán có lời văn).

Viết được phép tính (cộng, trừ) phù hợp với câu trả lời của bài toán có lời văn.

Nhận biết và thực hiện được một số bài toán khác (ngoài bài toán có lời văn), chẳng hạn:

Bài toán chia bánh thành các phần có số lượng liên quan tới quan hệ thứ tự (sách giáo khoa (SGK) trang 37).

– Các bài toán về quy luật (số, hình dạng, màu sắc,...).

...

b) Hình học và đo lường

Hình học trực quan

– Vị trí

- Nhận biết được vị trí, định hướng trong không gian: trên – dưới, phải – trái, trước – sau, ở giữa.
- Vận dụng vào các tình huống cụ thể.

– Hình khối

- Nhận dạng, gọi tên khối hộp chữ nhật, khối lập phương thông qua việc sử dụng bộ đồ dùng học tập cá nhân hoặc vật thật có trong cuộc sống.
- Sử dụng đồ dùng học tập, lắp ghép, xếp hình khối hộp chữ nhật, khối lập phương.

– Hình phẳng

- Nhận dạng và gọi đúng tên hình tròn, hình tam giác, hình vuông, hình chữ nhật thông qua việc sử dụng đồ dùng học tập hoặc vật thật.
- Nhận biết và thực hiện được việc lắp ghép, xếp hình gắn với sử dụng bộ đồ dùng học tập cá nhân.
- Làm quen việc phân loại, sắp xếp các hình theo nhiều tiêu chí khác nhau, sử dụng đúng các thuật ngữ: hình dạng, màu sắc, kích cỡ, phương hướng.

Đo lường

– Độ dài

- Làm quen với biểu tượng độ dài qua việc nhận biết “dài hơn”, “ngắn hơn”.
- Nhận biết đơn vị đo độ dài xăng-ti-mét: độ lớn, tên gọi, cách viết, kí hiệu.
- Đo độ dài:

Thực hiện được việc ước lượng và đo độ dài theo đơn vị đo xăng-ti-mét (ước lượng trong phạm vi 20 cm, đo trong phạm vi 100 cm).

Thực hiện được việc ước lượng và đo độ dài theo đơn vị đo tự quy ước (gang tay, bước chân,...).

Ghi nhớ số đo theo xăng-ti-mét của một số bộ phận thân thể: chiều ngang móng tay, chiều dài ngón trỏ, chiều dài gang tay.

– Thời gian: Nhận biết được mỗi tuần lễ có 7 ngày và tên gọi, thứ tự các ngày trong tuần.

- Nhận biết được giờ đúng trên mặt đồng hồ (loại đồng hồ có kim giờ, kim phút).
- Thực hiện được việc đọc giờ đúng trên mặt đồng hồ.
- Xác định được thứ, ngày của một ngày nào đó khi xem lịch (loại lịch tờ, bóc hằng ngày).

– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn đơn giản liên quan đến đo độ dài, đọc giờ đúng và xem lịch.

c) Hoạt động thực hành và trải nghiệm

Tuỳ thuộc vào điều kiện cụ thể, có thể tổ chức cho HS hoạt động trong giờ hoặc ngoài giờ chính khoá, nhằm giúp các em ứng dụng các kiến thức, kĩ năng toán học vào thực tiễn; ôn tập, củng cố các kiến thức, kĩ năng cơ bản, ... chẳng hạn:

– Thực hành các hoạt động liên quan đến vị trí, định hướng trong không gian; nhận biết các hình đã học trong thực tế cuộc sống.

– Thực hành đếm, nhận biết số, thực hiện phép tính trong một số tình huống hằng ngày.

– Thực hành đo và ước lượng độ dài một số vật trong thực tế.

...

III. GIỚI THIỆU SÁCH GIÁO KHOA TOÁN 1

1. Quan điểm biên soạn sách giáo khoa môn Toán ở cấp Tiểu học nói chung và lớp 1 nói riêng

Thông nhất với quan điểm xây dựng chương trình giáo dục phổ thông môn Toán.

a) Đảm bảo tính tính giản, hiện đại, thiết thực

- SGK đề cập tới những nội dung cốt lõi của ba mạch kiến thức; hình thành và phát triển các phẩm chất, các năng lực đặc thù của môn toán.

Nội dung các bài học được cấu trúc nhằm dành thời gian thích đáng cho việc dạy khái niệm, tạo mối liên hệ giữa các khái niệm, đảm bảo cân đối giữa “học” kiến thức và “vận dụng” kiến thức vào giải quyết vấn đề cụ thể.

- Cách tiếp cận của SGK phù hợp với xu hướng giáo dục của thế giới ngày nay.

Hình ảnh sinh động, màu sắc tươi tắn tạo hứng thú cho học sinh.

- SGK cung cấp nhiều nội dung, giúp học sinh giải quyết được một số vấn đề thực tiễn đơn giản liên quan đến các kiến thức, kỹ năng đã học.
- Đặc biệt, bộ sách mang tính nhân văn cao vì đã tạo điều kiện để học sinh có ý thức quan tâm tới đất nước, gia đình, trường học,...

b) Bảo đảm tính thống nhất, sự nhất quán và phát triển liên tục

- SGK thể hiện sự liên kết chặt chẽ hai nhánh, một nhánh mô tả sự phát triển của các mạch nội dung kiến thức cốt lõi và một nhánh mô tả sự phát triển của năng lực, phẩm chất của học sinh.
- Nội dung SGK Toán Tiểu học tiếp nối các nội dung đã học ở bậc giáo dục Mầm non và tạo điều kiện học tốt các nội dung ở các bậc học sau này.

c) Đảm bảo tính tích hợp và phân hoá

- Nội dung môn Toán trong bộ sách được tích hợp xoay quanh ba mạch kiến thức: Số và Phép tính, Hình học và Đo lường, Một số yếu tố Thống kê và Xác suất.

Các nội dung trên được giới thiệu theo cấu trúc tuyến tính kết hợp với “đồng tâm xoáy ốc” (đồng tâm, mở rộng và nâng cao dần theo các vòng số).

- SGK Toán chú trọng tính ứng dụng, tích hợp với các môn học khác.

Các hoạt động thực hành, trải nghiệm tạo cơ hội để học sinh thực hiện tích hợp trong giáo dục toán học.

- Các bài tập được sắp xếp theo hệ thống từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp. Ngoài ra có những bài mang tính thử thách đảm bảo yêu cầu phân hoá trong dạy học.
- SGK Toán giới thiệu nhiều giải pháp để học sinh lựa chọn khi thực hiện một số kỹ năng, quán triệt tinh thần dạy học theo hướng cá thể hoá người học.

d) Bảo đảm tính mở

Bên cạnh những nội dung giáo dục toán học cốt lõi, bắt buộc đối với học sinh toàn quốc, SGK Toán lựa chọn, bổ sung một số nội dung toán học đơn giản, tạo điều kiện cho các em trải nghiệm cuộc sống.

2. Những điểm mới của sách giáo khoa môn Toán

Với quan điểm quán triệt các quy định của chương trình môn học, kế thừa và phát huy ưu điểm SGK hiện hành cũng như các bộ sách SGK trước đó, bộ sách tiếp thu có chọn lọc các thành tựu khoa học giáo dục của các nước tiên tiến.

– SGK cung cấp đầy đủ các nội dung tạo điều kiện thuận lợi cho việc dạy học định hướng **phát triển năng lực, phẩm chất và tích hợp** phù hợp với xu thế chung của giáo dục toàn cầu trong bối cảnh thế giới đang ở ngưỡng cửa của cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư – Cách mạng công nghiệp 4.0.

Mỗi đơn vị kiến thức đều được hình thành qua việc sử dụng các phẩm chất và năng lực đặc thù, ngược lại quá trình vận dụng kiến thức kĩ năng đòi hỏi khả năng tổng hợp các phẩm chất và năng lực.

– Bộ sách tiếp cận người học theo **“cách học sinh học toán”** – phù hợp với sở thích và năng lực cá nhân, quán triệt tinh thần **“toán học cho mọi người”**.

Mỗi bài học, ưu tiên để học sinh tiếp cận, tìm tòi, khám phá, không áp đặt khiên cưỡng. Các hoạt động trong bài học tập trung vào việc hiểu được tại sao làm như vậy, không chỉ dừng lại ở việc tính toán.

SGK cung cấp các giải pháp khác nhau, HS có thể lựa chọn giải pháp phù hợp với sở thích, năng lực để thực hiện nhiệm vụ học tập.

Ví dụ: Để thực hiện các phép cộng, phép trừ trong phạm vi 10, HS có thể dựa vào

- Cấu tạo số trong phạm vi 10, thể hiện qua các bảng tách – gộp số.
- Các bảng cộng, bảng trừ trong phạm vi 10.
- Đếm thêm, đếm bớt.
- Mối quan hệ giữa phép cộng và phép trừ.

Việc thuộc các bảng cộng, bảng trừ mang tính chất khuyến khích, không ép buộc HS. Tuy nhiên, qua quá trình học tập, HS sẽ dần thuộc các bảng này một cách tự giác.

– Với quan điểm: HS Tiểu Học tiếp nhận kiến thức theo cách “mưa dầm thấm dần”, bộ SGK chủ trương giới thiệu các nội dung toán theo cách thức: “lát nền” – Các kiến thức, kĩ năng bộ phận thường được giới thiệu sớm (trước khi chính thức giới thiệu nội dung chính) nhằm mục đích:

- Tạo điều kiện để các kiến thức, kĩ năng được lặp lại nhiều lần.
- Tạo nhiều cơ hội để HS làm quen và thực hành, hình thành các ý tưởng. Khi chính thức học nội dung đó, các ý tưởng sẽ được kết nối một cách hoàn chỉnh. Lúc này bài học mang tính hệ thống và hoàn thiện các kiến thức, kĩ năng đã học.

– Các nội dung thể hiện trong SGK tiếp thu có chọn lọc những thành tựu khoa học giáo dục của các nước tiên tiến.

Các lí thuyết học tập giúp người học thành công hiện nay: Lí thuyết kiến tạo (Jean Piaget 1896-1980), Lí thuyết văn hoá xã hội (Lev Vygotsky 1896-1934). Áp dụng các lí thuyết toán học trên, nội dung trong SGK Toán 1 đã đề ra được các chiến lược dạy học hữu ích với chìa khoá thành công là **Dạy học giải quyết vấn đề** (GQVĐ). Điều này hoàn toàn phù hợp với nội dung giáo dục mang tính quốc gia và toàn cầu: **Giáo dục phát triển bền vững**.

– Hình thức thể hiện: màu sắc, hình ảnh gần gũi HS, các tình huống được chuyển tải khéo léo bằng hình ảnh dễ dàng lôi cuốn HS vào hoạt động học tập.

– SGK **kết nối** giữa phụ huynh và học sinh thông qua hoạt động ở nhà, tạo điều kiện để phụ huynh hiểu thêm về con em mình.

– Đặc biệt, mặc dù là một cuốn sách Toán, SGK Toán 1 tạo điều kiện để các em tìm hiểu về quê hương đất nước và bước đầu biết quan tâm, chia sẻ qua hoạt động Đất nước em.

3. Cấu trúc sách và cấu trúc bài học

a) Cấu trúc sách

SGK Toán 1 được cấu trúc theo 5 chương, 3 chương đầu (HK1) được viết theo chủ đề, 2 chương còn lại (HK2) được viết dưới dạng tích hợp hai mạch kiến thức Số và phép tính, Hình học và đo lường.

b) Cấu trúc bài học

Mỗi *bài* học thường gồm các phần

- **Cùng học và thực hành**

Cùng học được mặc định trên nền màu hoặc có tranh vẽ chuyển tải nội dung.

Phần này bao gồm cả hoạt động khởi động, xuất hiện tình huống thực tế hay một vấn đề được đặt ra. HS cùng nhau tìm phương án giải quyết dưới sự hướng dẫn, gợi ý của GV. Qua đó HS khám phá và hình thành kiến thức mới.

Thực hành được kí hiệu bởi hình tam giác màu xanh.

Thông qua các hoạt động, vẫn cùng với sự hỗ trợ của GV, giúp HS hiểu rõ hơn về bài mới cũng như hiểu thêm những liên hệ với kiến thức cũ.

Sở dĩ hai mục này ở chung một phần vì tiến trình hình thành kiến thức, kĩ năng mới phần lớn dựa trên việc thực hành của HS.

- **Luyện tập** được kí hiệu bởi hình tròn màu đỏ, giúp HS rèn luyện các kiến thức, kĩ năng đã học và vận dụng để giải quyết các vấn đề đơn giản trong cuộc sống.
- Ngoài ra còn các phần Vui học, Thử thách, Khám phá, Đất nước em, Hoạt động ở nhà có các biểu tượng kèm theo. Nội dung ở các phần này thường mang tính **vận dụng nâng cao**.

Vui học: hướng dẫn sử dụng các kiến thức, kỹ năng đã học để thực hiện các hoạt động vui chơi đơn giản nhằm tạo niềm vui và kích thích học tập.

Thử thách: các hoạt động thử thách trí thông minh, giúp HS rèn luyện tư duy, phát triển năng lực toán học.

Khám phá: tổ chức các hoạt động gợi mở những vấn đề mới liên quan đến kiến thức vừa học nhằm tạo hứng khởi và kích thích niềm say mê học toán.

Đất nước em: Tích hợp nội dung giáo dục của địa phương, giới thiệu cho HS tìm hiểu về một số địa danh và những giá trị lịch sử – văn hoá, bước đầu giúp các em biết quan tâm và yêu mến quê hương đất nước.

Hoạt động ở nhà: tạo điều kiện để phụ huynh kết nối việc học tập của HS ở trường và ở nhà, giúp cha mẹ hiểu thêm về con em.

Thỉnh thoảng, trong SGK, HS sẽ gặp **bạn ong vui vẻ** nêu hướng dẫn, gợi ý hoặc làm mẫu trong một số tình huống cụ thể.

SGK Toán 1 được biên soạn để dùng trong nhiều năm, vì vậy HS giữ gìn sách cẩn thận, không nên viết, vẽ vào sách.

VI. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CỤ THỂ CẦN LƯU Ý VỀ NỘI DUNG

a) Số và phép tính

i) Số

– Kế thừa chương trình giáo dục mầm non (lớp 5 – 6 tuổi đã biết đếm trên các đối tượng trong phạm vi 10, nhận biết các chữ số trong phạm vi 10).

– Tích hợp môn Tiếng Việt (dạy viết chữ số ngay từ tuần đầu)

– Kỹ năng đếm được chú trọng và xuyên suốt trong quá trình học số, đặc biệt thao tác vừa đưa ngón tay (bắt đầu từ ngón út) vừa đếm giúp HS thuận lợi cho việc đếm thêm, đếm bớt.

Thao tác vừa đếm vừa đặt các khối lập phương vào mỗi hình (trang 82, 83 SGK) vừa có vai trò đánh dấu, vừa có tác dụng lấy các khối lập phương tương ứng với số cần thành lập.

– Các kỹ thuật đếm thêm, đếm bớt (bằng nhiều cách) giúp HS ngoài việc đếm nhanh còn bước đầu cho HS nhận biết quy luật của dãy số, đặc biệt trợ giúp các em gặp khó khăn trong việc nhớ các bảng cộng, bảng trừ để dễ dàng thực hiện được các phép tính cộng, trừ.

ii) Tách – gộp số

– Ở Mầm non, các em đã bước đầu làm quen với tách, gộp (tách, gộp các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm).

– Nội dung phân tích, tổng hợp số (thể hiện qua các thao tác tách, gộp số) rất được chú trọng trong SGK Toán lớp 1.

- Hình ảnh bàn tay thường xuất hiện gợi ý hoạt động thực hành của HS (hình ảnh các bàn tay theo hướng mũi tên thể hiện gộp hoặc tách).
- Các thao tác gộp, tách (được thực hiện một cách thường xuyên trên bộ đồ dùng học tập) đã tạo dựng cơ sở vững vàng để HS bước đầu hiểu bản chất của phép cộng, phép trừ.

- Các kết quả tách, gộp số (chủ yếu là tách số vì dễ nhớ) với sự trợ giúp của các mô hình (sơ đồ tách – gộp số), tạo điều kiện để HS thực hiện các phép cộng, phép trừ trong phạm vi 10, dần dần các em thuộc các bảng cộng, bảng trừ trong phạm vi 10 một cách tự nhiên.
- HS thường xuyên được thực hành viết bốn phép tính cộng, trừ từ ba số trong sơ đồ tách – gộp, việc làm này giúp HS nhận biết được tính chất giao hoán của phép cộng, quan hệ giữa phép cộng và phép trừ một cách tự nhiên.

iii) So sánh số

– Từ các quan hệ “bằng nhau”, “nhiều hơn”, “ít hơn” giữa số lượng phần tử của các tập hợp, hình thành các quan hệ “bằng”, “lớn hơn”, “bé hơn” giữa các số.

Ngược lại, có các bài tập dựa vào việc so sánh các số để so sánh số lượng phần tử của các tập hợp. Các bài tập này giúp HS giải quyết các vấn đề đơn giản của cuộc sống (Ví dụ, bài 3, trang 108, SGK).

– HS tiểu học thường nhầm lẫn khi viết hoặc đọc các dấu so sánh số ($<$, $=$, $>$). Để khắc phục, SGK sử dụng hình ảnh miệng cá sấu đang há (SGK, trang 36) giúp HS dễ dàng khắc phục những sai lầm này (tham khảo SGK bài: Các dấu $<$, $=$, $>$).

– Các kĩ năng so sánh hai số được khái quát hoá trong các bài cụ thể ở SGK bằng các câu ngắn gọn, dễ nhớ (do HS chưa đọc thông viết thạo).

iv) Phép tính

– **Ý nghĩa của phép cộng** được giới thiệu qua hai tình huống sử dụng các từ “và”, “thêm” trong hai cấu trúc:

Có...và....Có tất cả...

Có...thêm ...Có tất cả...

Bản chất của phép cộng được HS thực hành qua thao tác **gộp** các khối lập phương.

– **Ý nghĩa của phép trừ** được giới thiệu qua hai tình huống: tình huống thứ nhất có chuyển động; tình huống thứ hai không có chuyển động:

Có...bớt...còn lại...

Có...trong đó có...còn lại...

Bản chất của phép trừ được HS thực hành qua thao tác **tách** các khối lập phương.

– **Các kĩ thuật cộng, trừ:** dùng sơ đồ tách – gộp số, bảng cộng – trừ hoặc đếm thêm, đếm bớt được HS vận dụng linh hoạt trong quá trình thực hành, luyện tập.

– **Một số vấn đề khác về phép cộng, phép trừ**

– Tính chất giao hoán của phép cộng, quan hệ cộng – trừ, vai trò số 0 trong phép cộng và phép trừ được ẩn tàng qua các trường hợp cụ thể, không có bài riêng cho các nội dung này. Tuy nhiên, HS nhận biết và bước đầu ghi nhớ những khái quát ngắn gọn, dễ nhớ (SGV).

– Khuyến khích HS sử dụng các tính chất phép tính để tính toán hợp lí.

– Tính nhẩm trong phạm vi 10, cộng trừ nhẩm các số tròn chục nên thường xuyên đề cập để HS có cơ hội vận dụng tính toán trong cuộc sống.

b) Hình học và đo lường

i) Hình học

Ở Tiểu học, HS được học **Hình học trực quan**

– Các nội dung vị trí, hình học trong chương trình lớp 1 nhìn chung đều đã được làm quen ở Mầm non. SGK Toán 1 giúp cho việc tái hiện những kiến thức, kỹ năng của HS; chính xác hoá theo tên gọi ở Tiểu học; hệ thống hoá và bổ sung một số nội dung.

– Các bài tập nhận dạng hình trong thực tế cuộc sống được chú trọng đúng mức.

– Nên tạo nhiều cơ hội để HS tập xếp hình, khuyến khích HS xếp các mẫu hình tự sáng tác.

– Nhiều bài tập giúp HS bước đầu phân loại được nhóm đối tượng theo các dấu hiệu khác nhau (màu sắc, hình dạng, phương hướng, kích cỡ,...).

ii) Đo lường

Đo lường là một nội dung tương đối khó, được giới thiệu từ học kì 2.

Tuy nhiên, ở Mầm non, HS đã được làm quen một số nội dung đáng kể về thời gian, độ dài.

– Thời gian

- Đơn vị giờ: Chủ yếu nhận biết về thời điểm qua thực hành xem giờ đúng, không đặt vấn đề dạy độ lớn đơn vị giờ. Tuy nhiên, nên tạo cơ hội trong thực tế cuộc sống (một cách rất tự nhiên) để HS bước đầu cảm nhận được độ lớn này (Hoạt động ở nhà, trang 93 SGK).
- Xem lịch: Tích hợp môn Tiếng Việt, khuyến khích HS tập đọc lịch (loại lịch bóc hằng ngày) kết hợp nói các hoạt động đi kèm.

– Độ dài

Khi dạy độ lớn của đơn vị xăng-ti-mét, ngoài hình ảnh các băng giấy (SGK, trang 140), GV nên kết hợp gắn với số đo của một số bộ phận cơ thể HS: chiều ngang của bụng ngón trỏ hoặc móng, số đo theo xăng-ti-mét của một số đơn vị đo tự quy ước (gang tay, bước chân) được ghi nhớ giúp HS có cơ sở để ước lượng, gắn kết các nội dung học với thực tiễn.

c) Giải quyết vấn đề (GQVĐ)

– Quan điểm

- GQVĐ không được coi là một mạch kiến thức riêng (như mạch Giải toán có lời văn ở các chương trình trước).
- GQVĐ là một bộ phận trong cả hai mạch kiến thức (Số và phép tính, Hình học và đo lường) không nên được dạy như một phần tách biệt.